

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II KHỐI 7

MÔN GDCD

1. Bài: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Thế nào là môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
- Tài nguyên thiên nhiên và môi trường có vai trò quan trọng như thế nào đối với đời sống của con người?
- Nêu những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

2. Bài: Bảo vệ di sản văn hóa.

- Thế nào là di sản văn hóa? Ý nghĩa của việc bảo vệ di sản văn hóa?
- Nêu những quy định của pháp luật trong việc bảo vệ và giữ gìn di sản văn hóa?

3. Chủ đề: Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời khi nào? Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời là thành quả của cuộc cách mạng nào? Cuộc cách mạng đó do Đảng nào lãnh đạo?
- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời nhằm mục đích gì? Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được đổi tên thành Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày tháng năm nào?.
- Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
- Bộ máy nhà nước là gì? Bộ máy nhà nước được chia làm mấy cấp và mấy hệ thống cơ quan?
- Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp địa phương gồm các cơ quan nào?
- Tình huống:

1/Mẹ tớ sinh em bé. Gia đình tớ cần làm giấy khai sinh. Vậy gia đình tớ có thể đến cơ quan nào?

2/Chị dâu tớ làm sơ yếu lí lịch để đi xin việc. Bản lí lịch này cần được chính quyền xác nhận. Vậy chị có thể đến cơ quan nào để thực hiện điều này?

3/Anh họ tớ là sinh viên ở quê mới lên, hiện nay đang ở nhà tớ. Bác Tổ trưởng Tổ Dân phố nói rằng anh phải đăng kí tạm trú, tạm vắng. Vậy anh họ tớ có thể đăng kí ở đâu?

4/ Gia đình chị V.T.C muốn xin cấp lại giấy khai sinh cần đến cơ quan nào, cần những thủ tục gì?

MÔN LỊCH SỬ

I. Phạm vi ôn tập:

Bài 23: Kinh tế, văn hóa thế kỉ XVI - XVIII

Bài 25: Phong trào Tây Sơn

Bài 27: Chế độ phong kiến nhà Nguyễn

II. Hình thức kiểm tra: 100% câu hỏi trắc nghiệm – 30 câu.

MÔN ĐỊA LÝ

1. Thiên nhiên châu Âu.
2. Dân cư, xã hội châu Âu.
3. Kinh tế châu Âu.

MÔN VĂN

I. VĂN BẢN

* Yêu cầu

- Nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, nội dung, nghệ thuật của các văn bản sau:

+ Sóng chết mặc bay.

+ Ca Huế trên sông Hương.

- Viết được đoạn văn cảm nhận về một nhân vật, một nội dung trong các tác phẩm trên.

* Bài tập

Bài 1: Cho đoạn văn:

“Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá; khúc đê làng X thuộc phủ X xem chừng núng thế lắm, không khéo thì vỡ mất. Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức gìn giữ, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác

tre, nào đắp, nào cù, bì bõm dưới bùn lầy, ngập quá khuỷu chân, người nào người ấy, lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh này trông thật là thảm”.

(Ngữ văn 7 - Tập 2, trang 74)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

Câu 2: Nêu nội dung của đoạn văn trên?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp nghệ thuật có trong đoạn?

Câu 4: Văn bản “*Sống chết mặc bay*” (Phạm Duy Tốn) thuộc kiểu văn bản nào?

Câu 5: Viết đoạn văn (10 câu) nêu cảm nhận của em về số phận người dân trong truyện ngắn “*Sống chết mặc bay*”. Trong đoạn văn có sử dụng một câu rút gọn (gạch chân và chú thích câu rút gọn đó).

Bài 2: Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút; tráp đồi mồi chũ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ tía, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, ví thuốc, quần bút, tấm bông trông mà thích mắt [...] Ngoài kia, tuy mưa gió âm âm, dân phu rôi rít nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch, nghiêm trang lắm [...]”

(“*Sống chết mặc bay*” – Phạm Duy Tốn, Ngữ văn 7 - Tập 2)

Câu 1: Giải thích ý nghĩa nhan đề “*Sống chết mặc bay*”?

Câu 2: Tìm trong đoạn văn trên câu văn có sử dụng phép tương phản đối lập.

Câu 3: Nội dung chính của văn bản có đoạn văn trên là gì?

Câu 4: Tìm trạng ngữ trong câu văn sau và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ đó. “*Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút.*”

Câu 5: Viết đoạn văn (10 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật “ngài” – quan phụ mẫu trong tác phẩm “*Sống chết mặc bay*”. Trong đoạn văn có sử dụng một phép liệt kê (gạch chân, chú thích).

Bài 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Vừa lúc đó thì tiếng người kêu râm rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào ào như thác nước chảy xiết: rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò kêu tứ phía.

Bây giờ, ai nấy trong đình đều nôn nao sợ hãi. Thốt nhiên, một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đẫm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời:

- *Bầm...quan lớn...đê vỡ mắt rồi!*

Quan lớn đỏ mặt tía tai, quay ra quát rằng:

- *Đê vỡ rồi!... Đê vỡ rồi, thời ông cắt cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không?... Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xông xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?"*

(Ngữ văn 7- tập 2, trang 76)

Câu 1: Đoạn văn trích trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác? Tác phẩm đó được viết theo thể loại nào?

Câu 2: Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Dấu chấm lửng và dấu gạch ngang trong đoạn trích dùng để làm gì?

Câu 4: Tìm phép liệt kê trong đoạn trích và nêu tác dụng của phép liệt kê đó

Câu 5: Đoạn văn trên cho em hiểu gì về bản chất của tên quan phụ mẫu?

Bài 4: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

“Đêm đã về khuya. Xa xa bờ bên kia Thiên Mục hiện ra mờ ảo, ngọn tháp Phước Duyên dát ánh trăng vàng. Sóng vỗ ru mạn thuyền rồi gọi vô hồi xa mãi cùng những tiếng đàn réo rất du dương. Đây là lúc các ca nhi cất lên những khúc điệu Nam nghe buồn man mác, thương cảm, bi ai, vấn vương như nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân. Cũng có bản nhạc mang âm hưởng điệu Bắc pha phách điệu Nam, không vui không buồn như tứ đại cảnh. Thế điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm băng khuâng, có tiếc thương ai oán... Lời ca thong thả, trang trọng, trong sáng gọi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch.

Nghe tiếng gà gáy bên làng Thọ Cương, cùng tiếng chuông thiên mục gọi năm canh, mà trong khoang thuyền vẫn đầy ắp lời ca tiếng nhạc.

Không gian như lắng đọng. Thời gian như ngừng lại. Con gái Huế nội tâm thật phong phú và âm thầm, kín đáo, sâu thẳm”.

(Ngữ văn 7 – tập 2)

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Kể tên ít nhất 3 làn điệu ca Huế có trong đoạn trích?

Câu 3: Qua đoạn trích trên, em cảm nhận như thế nào con người xứ Huế?

Câu 4: Dựa vào đoạn trích và hiểu biết của em về tác phẩm, em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng giới thiệu về ca Huế trên sông Hương, trong đó có sử dụng phép liệt kê. (Gạch chân câu văn mang phép liệt kê đó)

II. TIẾNG VIỆT

- Hệ thống lại các kiến thức về khái niệm, tác dụng của:

+ Câu đặc biệt.

+ Câu rút gọn.

+ Liệt kê.

III. TẬP LÀM VĂN

- Viết đoạn văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lý.

- Ví dụ:

- Đề 1: Viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày ý kiến của em về ý thức giữ gìn và bảo tồn di sản văn hóa dân tộc của thế hệ thanh niên trẻ ngày nay.

MÔN CÔNG NGHỆ

Câu 1: Giống vật nuôi: khái niệm về giống vật nuôi; sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi; một số phương pháp chọn lọc và quản lí giống vật nuôi; nhân giống vật nuôi.

Câu 2: Thức ăn vật nuôi: nguồn gốc thức ăn và thành phần dinh dưỡng; vai trò của thức ăn đối với vật nuôi; chế biến và dự trữ thức ăn; sản xuất thức ăn vật nuôi.

Câu 3: Chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi

Câu 4: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

Câu 5: Phòng trị bệnh cho vật nuôi và vacxin phòng bệnh cho vật nuôi

MÔN VẬT LÝ

Bài 1: Các tác dụng của dòng điện.

Bài 2: Cường độ dòng điện.

Bài 3: Hiệu điện thế.

Bài 4: Hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ dùng điện.

Bài 5: An toàn khi sử dụng điện.

Câu hỏi ôn tập:

Câu 1: Kể tên các tác dụng chính của dòng điện.

Câu 2: Khi có dòng điện chạy qua một bóng đèn dây tóc sẽ có hiện tượng gì xảy ra đối với bóng đèn?

Câu 3: Vì sao dòng điện có tác dụng nhiệt?

Câu 4: Cầu chì hoạt động dựa trên tác dụng nào của dòng điện?

Câu 5: Chuông điện hoạt động là do tác dụng gì của dòng điện?

Câu 6: Khi cho dòng điện chạy qua dung dịch muối đồng, sau một thời gian thấy có một lớp đồng mỏng bám vào thỏi than nối với điện cực âm của nguồn điện. Có thể giải thích hiện tượng này dựa vào tác dụng nào của dòng điện?

Câu 7: Nếu ta chạm vào dây điện trần (không có lớp cách điện) dòng điện sẽ truyền qua cơ thể gây co giật, bỏng thậm chí có thể gây chết người là do tác dụng gì của dòng điện?

Câu 8: Khi cho dòng điện đi qua máy sấy tóc, dòng điện đã gây ra các tác dụng nào?

Câu 9: Khi tiến hành thí nghiệm cho dòng điện chạy qua đùi ếch thì đùi ếch co lại, đó là tác dụng nào của dòng điện?

Câu 10: Để mạ kẽm cho một cuộn dây thép thì phải làm thế nào?

Câu 11: Trong y học, tác dụng sinh lý của dòng điện được sử dụng trong trường hợp nào?

Câu 13: Khi mắc ampe kế vào mạch điện thì cần chú ý điều gì?

Câu 14: Trên một cầu chì có ghi 1A. Con số này có ý nghĩa gì?

Câu 15: Dụng cụ ampe kế có giới hạn đo 5A, trên mặt số được chia là 25 khoảng nhỏ nhất. Khi đo cường độ dòng điện trong mạch điện, kim chỉ thị chỉ ở khoảng thứ 16. Cường độ dòng điện đo được là bao nhiêu?

Câu 16: Đổi đơn vị cho các giá trị sau?

A. $1,28A = \dots mA$. E. $2,5V = \dots mV$

B. $32mA = \dots A$. F. $7kV = \dots V$

C. $0,35A = \dots mA$. G. $120V = kV$

D. $425mA = \dots A$. H. $1100mV = \dots V$

Câu 17: Cho biết tên đơn vị của cường độ dòng điện và tên dụng cụ dùng để đo cường độ dòng điện.

Câu 18: Đơn vị của hiệu điện thế là gì? Đo hiệu điện thế bằng dụng cụ nào?

Câu 19: Có nên sử dụng hiệu điện thế nhỏ hơn hiệu điện thế định mức cho các thiết bị điện như máy vi tính, tivi, tủ lạnh? Giải thích vì sao?

Câu 20: Đối với một bóng đèn nhất định, nếu hiệu điện thế đặt vào hai đầu bóng đèn tăng thì cường độ dòng điện qua bóng sẽ như thế nào?

Câu 21: Nêu quy tắc an toàn khi sử dụng điện.

Câu 22: Vì sao dòng điện có thể đi qua cơ thể người?

MÔN TOÁN

A. Lý thuyết

I. Đại số

- Đơn thức đồng dạng, quy tắc cộng trừ đơn thức đồng dạng.
- Đa thức, đa thức một biến, bậc của đa thức.
- Cộng trừ hai đa thức.
- Nghiệm của đa thức một biến.

II. Hình học

- Tam giác bằng nhau, các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.
- Các tam giác đặc biệt: cân, vuông cân, đều: định nghĩa, tính chất và các cách chứng minh.
- Mối quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác.
- Tính chất các đường đồng quy trong tam giác.

B. Một số bài tập tham khảo

Bài 1. Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

a) $A = x^2 + 4xy - 2y^2$ tại $x = -1; y = \frac{1}{2}$

c) $C = \frac{2x^2 + 3x - 2}{x + 2}$ biết $|x| = 3$

b) $B = -\frac{1}{2}x^2 - \frac{3}{4}xy^2 + 4y^4 - \frac{1}{4}xy$ tại $x = 1; y = -1$

d) $D = 9x^2 - 7x|y| - \frac{1}{4}y^3$ tại $x = \frac{1}{3}; y = -6$

Bài 2. Thu gọn các đơn thức sau rồi cho biết phần hệ số, phần biến, bậc của mỗi đơn thức:

$A = 13x \cdot (-3xy^2) \cdot (xy^3z^2)$

$C = \left(2\frac{1}{3}x^2y^3\right)^{10} \left(\frac{3}{7}x^5y^4\right)^{10}$

$B = x^2 \left(-\frac{3}{2}x^3y\right) \cdot \left(\frac{4}{9}xy^4\right)$

$D = \frac{1}{2}ax^2y^2 \left(-\frac{1}{3}abx^3y^2\right)$ với a, b là hằng số.

Bài 3. Thu gọn các đa thức và tìm bậc của chúng:

a) $C = x^3y - 4xy^2 + 3x^2 + 5xy^2 - x^3y + xy - 6x^2$ b) $B = 3y(x^2 - xy) - 7x^2(y + xy)$

Bài 4. Thu gọn và sắp xếp các đa thức sau theo lũy thừa giảm dần của biến? Tìm bậc, hệ số tự do, hệ số cao nhất?

$$A = -2x^2 + 3x - x^4 + 5 + 3x^2 - 4x;$$

$$C = x^7 - 2x^5 + 2x^3 + 5x^5 + 2x^7 - 3x - 7$$

$$B = 3x - 5 + 4x^3 - 8x + 10$$

$$D = -\frac{1}{2}x + x^3 - 3x^2 + \frac{3}{\sqrt{4}}x - 2x^3 - 2022^0 + x^2$$

Bài 5. Cho hai đa thức :

$$B(x) = 4x^3 + x^2 - 7x + 3x^2 - x^3 + 9 \quad C(x) = 6 + 5x^3 + 6x^2 + 3x - 2x^2 - 2x^3$$

a) Thu gọn đa thức B(x), C(x)

b) Tính giá trị của đa thức $B(x) + C(x)$ khi $x = 1$

c) Tính giá trị của đa thức $B(x) - C(x)$ khi $|x| = 2$

Bài 6. Cho đa thức $f(x) = x^4 + 2x^3 - 2x^2 - 6x + 5$

Trong các số sau : 1; -1; 2; -2 số nào là nghiệm của đa thức $f(x)$

Bài 7. Tìm nghiệm của các đa thức sau:

$$A(x) = 3x + 5$$

$$B(x) = (2x + 3) \cdot (6 - x)$$

$$C(x) = x^2 + 4x$$

$$D(x) = x^2 - 9$$

$$E(x) = x^3 + 8.$$

$$F(x) = x^2 + 1$$

Bài 8. a) Cho $A = x^2 - 1$; $B = x^2 + 2x + 1$. Tìm nghiệm của các đa thức $A + B$; $A - B$.

b) Cho $C = 3x^2 + 2x - 8$; $D = x^2 - 2x - 8$. Tìm nghiệm của các đa thức $C + D$; $C - D$.

Bài 9. a) Cho đa thức $P(x) = mx - 3$. Xác định m biết rằng $P(-1) = 2$

b) Cho đa thức $Q(x) = -2x^2 + mx - 7m + 3$. Xác định m biết rằng Q(x) có nghiệm là -1.

II. Hình học:

Bài 1. Cho $\triangle ABC$ vuông tại A ($AB < AC$), tia phân giác của góc B cắt AC tại M. Trên tia đối của tia MB lấy điểm D sao cho $MB = MD$, từ điểm D vẽ đường thẳng vuông góc với AC tại N và cắt BC tại điểm E.

a) Chứng minh $\triangle ABM = \triangle NDM$

b) Chứng minh $BE = DE$.

c) Chứng minh rằng $MN < MC$.

Bài 2. Cho tam giác ABC có $AB = AC = 5\text{cm}$, $BC = 6\text{cm}$. Đường trung tuyến AM xuất phát từ đỉnh A của tam giác ABC.

a) Chứng minh $\triangle AMB = \triangle AMC$ và AM là tia phân giác của góc A.

b) Chứng minh AM

c) Tính độ dài các đoạn thẳng BM và AM.

d) Từ M vẽ ME \perp AB (E thuộc AB) và MF \perp AC (F thuộc AC). Tam giác MEF là tam giác gì? Vì sao?

Bài 3. Cho tam giác ABC vuông ở A có $AB = 12\text{cm}$, $AC = 9\text{cm}$.

a) Tính độ dài cạnh BC và so sánh các góc của tam giác ABC

- b) Trên tia đối của tia CA lấy điểm D sao cho C là trung điểm của AD. Qua C kẻ đường thẳng vuông góc với AD, cắt BD tại M. Chứng minh tam $\triangle MAD$ cân.
- c) Chứng minh M là trung điểm của BD.
- d) Gọi G là giao điểm của AM và BC. Tính độ dài đoạn BG.

Bài 4. Cho tam giác ABC cân tại A, kẻ đường cao AH. Gọi M là trung điểm của BH. Vẽ điểm N sao cho M là trung điểm của AN.

- a) Chứng minh: $\triangle AMH = \triangle NBM$, Suy ra $NB \perp BC$.
- b) Chứng minh: $BN < BA$.
- c) Chứng minh: $\angle MAH > \angle BAM$
- d) Gọi K là trung điểm của NC. Chứng minh rằng ba điểm A, H, K thẳng hàng.

Bài 5. Cho tam giác ABC vuông tại A, đường phân giác BM. Trên tia BC lấy điểm N sao cho $BN = BA$. Gọi K là giao điểm của AB và MN.

- a) Chứng minh: $AM = MN$
- b) Chứng minh: $BM \perp CK$
- c) Chứng minh: $AM < MC$
- d) Tam giác ABC cần thêm điều kiện gì để tam giác BKC đều.

MÔN TIẾNG ANH

1. UNIT 10:

- Vocabulary: Ôn tập toàn bộ từ vựng của Unit 10 theo chủ đề Sources of Energy.
- Grammar:
 - Thì Tương lai tiếp diễn.

1. Cách dùng

- Hành động sẽ đang diễn ra tại một thời điểm cụ thể trong tương lai.
- Ví dụ: Tonight, at 11p.m, we will be dancing at the party.

2. Dạng thức của thì tương lai tiếp diễn

Thể khẳng định		Thể phủ định	
I		I	
He/ She/ It/ Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được	Will be V-ing	He/ She/ It/ Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được	Will not/ won't be V-ing
You/ We/ They/ Danh từ số nhiều		You/ We/ They/ Danh từ số nhiều	
Ví dụ: At this time tomorrow, he will be doing his homework.		Ví dụ: At 9p.m. tomorrow, they won't be cleaning their house.	

Thể nghi vấn			Câu trả lời ngắn		
Will	I	be V-ing	Yes,	I	will
	He/ She/ It/ Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được			He/ She/ It/ Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được	
	You/ We/ They/ Danh từ số nhiều		No,	You/ We/ They/ Danh từ số nhiều	Won't

Ví dụ:
- Will she be singing at this time tomorrow?
- Yes, she will. / No, she won't

- Câu bị động ở thì Tương lai đơn

Thể	Câu chủ động	Câu bị động
Khẳng định	S + will + V + O We will use low energy light bulbs.	S + will + be + VpII + (by O) Low energy light bulbs will be used.
Phủ định	S + won't + V + O We won't use low energy light bulbs	S + won't + be + VpII + (by O) Low energy light bulbs won't be used.
Nghi vấn	Will + S + V + O? Will you use low energy light bulbs?	Will + S + be + will + V + O? Will low energy light bulbs be used?

2. UNIT 11:

1. Vocabulary: Ôn tập toàn bộ từ vựng của Unit 11 theo chủ đề Travelling in the future.

2. Grammar:

- Ôn tập cấu trúc "Will"

Cách dùng	Cấu trúc này dùng để nói về những hành động mà chúng ta nghĩ sẽ xảy ra trong tương lai.
Cấu trúc	(+) S + will + V (-) S + won't + V (?) Will + S + V?
Ví dụ	My future house will be very large. The mail won't arrive until next week. Will the fuel price increase next month?

- Đại từ sở hữu: mine, yours, his, hers, its, ours, theirs.

1. Đại từ sở hữu

Đại từ sở hữu chỉ sự sở hữu của người hoặc vật với người hoặc một sự vật khác. Đại từ sở hữu được sử dụng để thay thế cho tính từ sở hữu và danh từ theo sau để tránh lặp lại. (Đại từ sở hữu= tính từ sở hữu + danh từ)

2. Sự khác biệt giữa đại từ sở hữu và tính từ sở hữu.

	Tính từ sở hữu	Đại từ sở hữu
Định nghĩa	Tính từ sở hữu (possessive adjective) là từ để chỉ sự sở hữu và đứng trước danh từ.	Đại từ sở hữu (possessive pronouns) dùng để thay thế hẳn cho tính từ sở hữu và danh từ.

		Đại từ sở hữu vừa có thể đứng ở vị trí chủ ngữ, vừa có thể là tân ngữ trong câu.
Ví dụ	This is my book.(Đây là quyển sách của tôi) → Trong câu sử dụng tính từ sở hữu “my” và danh từ “book”	That is mine. → Trong câu sử dụng đại từ sở hữu “mine” để thay thế cho “my book” vì người nói không muốn lặp lại từ.

3. Đại từ sở hữu và nghĩa của chúng.

Đại từ nhân xưng	Tính từ sở hữu	Đại từ sở hữu	Nghĩa	Ví dụ
I	My	Mine	Của tôi	Your book is not as interesting as mine.
You	Your	Yours	Của bạn	I will give mine and you will give yours.
We	Our	Ours	Của chúng tôi	This house is ours.
They	Their	Theirs	Của họ	If you don't have a car, you can borrow theirs.
He	His	His	Của anh ta	How can he eat my food not his?
She	Her	Hers	Của cô ấy	I can't find book so I use hers.
It	Its	Its	Của nó	My feet are small but its are big.

4. Cách dùng các đại từ sở hữu

Dùng thay thế cho một tính từ sở hữu (possessive adjective) và một danh từ đã nói ở phía trước	Ví dụ: I gave it to my friends and to yours. → yours = your friends
Dùng trong dạng câu hỏi sở hữu kép (double possessive)	Ví dụ: He is a friend of mine.

3. UNIT 12:

1. Vocabulary: Ôn tập toàn bộ từ vựng của Unit 11 theo chủ đề An overcrowded World.

2. Grammar:

- So sánh về số lượng với **more/ less/ fewer**.

1. Các lượng từ “more/less/fewer” (nhiều hơn/ ít hơn/ ít hơn)

- More (nhiều hơn): là dạng so sánh hơn của “many” và “much”.
- Less, fewer (ít hơn): “less” là biến đổi của “little”, còn “fewer” là biến đổi của “few”.
- “more” dùng để so sánh số lượng vật này nhiều hơn vật kia, còn “fewer” và “less” được dùng để so sánh số lượng vật này ít hơn vật kia.

2. Cấu trúc

So sánh (Danh từ đếm được và danh từ không đếm được)	...+ more+ danh từ + than+... VD: The countryside has more trees than a big city.
So sánh kém (Danh từ đếm được)	...+ fewer + danh từ đếm được số nhiều (-s/es) + than+... VD: The countryside has fewer problems than a big city.
So sánh kém (Danh từ không đếm được)	...+ less + danh từ không đếm được + than+... VD: I have less money than you.

- Câu hỏi đuôi.

1. Định nghĩa

Định nghĩa	Câu hỏi đuôi là một câu hỏi ngắn, được thêm vào cuối câu trần thuật,
-------------------	---

	<p>đứng đằng sau dấu phẩy. Ví dụ: You like mushrooms, don't you? He isn't a doctor, is he?</p>
--	---

2. Cách thành lập câu hỏi đuôi tương ứng với các mệnh đề trần thuật

Cấu trúc	Auxiliary/ To be/ Modal verb (+ not) + Subject
Trong đó	Auxiliary (trợ động từ) như do/ dose/did, have/has Động từ to be: am/ is/ are, was/were Modal verb (động từ khuyết thiếu) như can, could, must... Subject (chủ ngữ) như he, she, it...
Trường hợp 1	<p>Nếu câu trần thuật là câu khẳng định, câu hỏi đuôi phải ở thể phủ định. Hình thức phủ định thường được rút gọn (not = n't) Ví dụ: She is reading book, isn't she? Mr. Nam can speak English well, can't he? They did the test yesterday, didn't they?</p>
Trường hợp 2	<p>Nếu câu trần thuật là câu phủ định, câu hỏi đuôi phải ở thể khẳng định. Ví dụ: Nga isn't a student, is she? I shouldn't smoke here, should I? Her parents don't work in this company, do they?</p>
Chú ý	Nếu câu trần thuật không có trợ động từ, dùng trợ động từ tương ứng với thì của câu trần thuật như do/ does/did, have/has... He lives in Hanoi city, doesn't he? You came here, didn't you? They watch TV every evening, don't they?
Trường hợp đặc biệt	Câu hỏi đuôi của I am là aren't I- nhưng nếu là I am not thì vẫn dùng am I? Ví dụ: I am wrong, aren't I? (Tôi sai, phải không?) I'm not wrong, am I? (Tôi không sai, phải không?)
Câu trả lời đối với dạng câu hỏi đuôi	Yes nếu đồng ý với câu trần thuật ở trên. No nếu không đồng ý với ý kiến ở câu trần thuật. Ví dụ: Your sister is married, isn't she? Yes, she has just married./ No, of course she isn't. Tuy nhiên, cần chú ý câu trả lời Yes/No trong câu trả lời đối với câu hỏi phủ định. Ví dụ: You're not going out today, are you? (Hôm nay bạn không đi chơi phải không?) Yes. (=Yes, I am going out) Có. (Có, tôi có đi chơi) No. (No, I am not going out) Không. (= Không, tôi không đi chơi)

3. Các bước lần lượt thành lập câu hỏi đuôi

Bước 1: Xác định thì của mệnh đề chính.

Bước 2: Xác định loại động từ có trong câu: động từ thường, động từ khuyết thiếu hay động từ to be.

Bước 3: Xác định mệnh đề chính là câu khẳng định hay phủ định.

Nếu mệnh đề chính là câu khẳng định -> câu hỏi đuôi là câu phủ định.

Nếu mệnh đề chính là câu phủ định -> câu hỏi đuôi là câu khẳng định.

Bước 4: Thay đổi đại từ trong câu hỏi đuôi nếu cần.

Dưới đây là một vài ví dụ:

Câu trần thuật phủ định, câu hỏi đuôi khẳng định.	Câu trần thuật khẳng định, câu hỏi đuôi phủ định.
You aren't a teacher, are you?	You are a student, aren't you?
He isn't crazy, is he?	He is very busy, isn't he?
They weren't late, were they?	They were surprised, weren't they?
You don't speak French, do you?	You speak English, don't you?
You haven't been here all week, have you?	You have studied all week, haven't you?
You won't fail the exam, will you?	You will pass the exam, won't you?
She can't drive a car, can she?	She can speak two languages, can't she?
We mustn't say anything, must we?	We must be patient, mustn't we?

4. CÁC DẠNG BÀI TẬP CẦN CHÚ Ý:

I. Choose the word that has underlined part pronounced differently from the rest.

- a. clean b. disease c. mean d. nuclear
- a. biogas b. energy c. dangerous d. generate
- a. slum b. nutrition c. abundant d. hunger
- a. consumption b. solution c. question d. population
- a. machinery b. cheap c. exchange d. beach

II. Choose the word that has different stress pattern.

- a. footprint b. wealthy c. pollute d. healthcare
- a. plentiful b. convenient c. serious d. popular
- a. gather b. reduce c. provide d. affect
- a. successful b. renewable c. available d. electricity
- a. accommodate b. overcrowded c. malnutrition d. population

III. Fill in each blank with a suitable word from the box.

high-speed	harmful	density	slums
eco-friendly	flying	renewable	populated

- Solar power is _____ because it doesn't harm the environment.
- It is predicted that _____ will be a popular means of transport by 2050.
- Journey times have been reduced considerably thanks to _____ trains.
- Manila is the most densely _____ city in the world.
- The United States' population _____ is 13.5 people per square mile.
- People living in _____ lack basic services such as clean water and sanitation.
- When fossil fuels are burned, they release carbon dioxide and other gases that are _____ to the environment.
- Will _____ energy replace fossil fuels within 30 years?

IV. Choose the best answer a, b, c or d to complete the sentence.

- The monowheel looks futuristic, but it can fall _____ very easily
a. up b. down c. over d. out

2. Natural gas is limited, and it is harmful _____ the environment
 - a. for
 - b. in
 - c. with
 - d. to
3. If you turn off the light when you leave the room, you'll use _____ energy.
 - a. fewer
 - b. less
 - c. more
 - d. most
4. I didn't have my mobile, so Peter lent me _____.
 - a. mine
 - b. his
 - c. their
 - d. hers
5. I'd prefer to have a _____ that can take me to another place in seconds.
 - a. teleporter
 - b. monowheel
 - c. hover scooter
 - d. flying car
1. You have never heard about teleportation, _____?
 - a. do you
 - b. don't you
 - c. have you
 - d. haven't you
2. With a solar PV system, solar panels _____ sunlight right into electricity.
 - a. create
 - b. generate
 - c. provide
 - d. convert
3. Self-driving cars are expected to be _____ than human-driven ones.
 - a. more safely
 - b. less safe
 - c. more safer
 - d. much safer
4. Mumbai is land of some of the world's richest people. _____, it is also home to the world's poorest.
 - a. Although
 - b. Therefore
 - c. However
 - d. Despite
5. "Should I use public transport or a bike to reduce carbon dioxide?"

“ _____ ”

 - a. Of course. It helps to reduce your carbon footprint, you know.
 - b. Why not? It will harm the environment.
 - c. I won't advise you to do so.
 - d. How about taking your car?

V. Write the correct form or tense of the verbs in brackets.

1. In 2017, they _____ (install) solar panels to provide heat for their hot water.
2. I _____ (visit) Rio de Janeiro twice so far. It's very diverse!
3. Tomorrow at 8p.m James _____ (watch) a film on Netflix.
4. I think that driverless cars _____ (use) widely in the next two decades.
5. Overcrowding _____ (cause) huge problems such as housing, congestion, unemployment and air pollution.
6. Look, Janet! The boy over there _____ (ride) a Segway.
7. Since 1990, the population of the city _____ (grow) by 110,000 people
8. Hoi Mua Festival _____ (hold) every March to thank the God for the crop.
9. My father installed glass in the windows to stop heat _____ (escape)
10. I'd prefer _____ (have) a hoverboard, so that I can fly to school!

VI. Supply the correct form of the words in brackets.

1. The slums are often _____, with many people crammed into very small living spaces. (crowd)
2. Most _____ energy sources are fossil fuels such as coal, petroleum, and natural gas. (renew)
3. Dean Kamen is an _____ of the Segway scooter. (invent).
4. _____ is about not having enough money to meet basic needs. (poor)
5. _____ materials can be processed and used again. (recycle)
6. By 2035, the world's population will _____ 50% more energy. (consumption)
7. New York is one of the most _____ diverse cities in the world. (culture)
8. Children tend to be more _____ than adults. (imagine)

VII. Each sentence has a mistake. Find and correct it.

1. The fewer furniture that you have in your bedroom, the bigger it will look.
2. Renewable energy is a practical solution of our electricity needs.

3. By increasing renewable energy, we can reduce air pollution and cutting global warming emissions.
4. In six years' time, we will be travelled across town by flying taxi.
5. People from the countryside move to city to find work and a better standard of living.
6. When you were a child, you used to go to school on foot, weren't you?
7. Friday night, a friend of our from college came up to see us.
8. Another Japanese city, Osaka, also has a very large population with 20.5 million.

VIII. Write questions for the underlined parts

1. A: _____
B: The personal hover scooter can travel at around 30kph
2. A: _____
B: There are approximately 7.6 billion people in the world today.
3. A: _____
B: I prefer jetpacks to flying cars
4. A: _____
B: Vietnam still relies on non-renewable energy sources
5. A: _____
B: Nuclear power isn't used extensively because it's both expensive and dangerous
6. A: _____
B: They used to live in the Dharavi slum when they were in Mumbai.
7. A: _____
B: Self-driving cars will be on the road by 2020.
8. A: _____
B: It takes just two and a half hours to travel from Tokyo to Osaka by bullet train.

IX. Choose the correct answer which fits each gap.

There are number of things we can do if we want to help save our (1) _____. For example, if we stop wasting paper and recycle paper and cardboard, we'll save some of the million trees which are cut (2) _____ every year. As far as the problem of rubbish is concerned, if we recycle bottles and cans and organic waste, and stop taking (3) _____ from the supermarket, this will all make a big difference. We also have to stop making (4) _____ car journeys so as to cut down air pollution. Try walking or using a bike (5) _____. Water is another problem, and we should all (6) _____ showers, not baths, to save water. Finally, we need to stop using so (7) _____ energy, so try changing to (8) _____ light bulbs and turning off unnecessary lights.

- | | | | |
|--------------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1. a. moon | b. planet | c. home | d. source |
| 2. a. out | b. up | c. down | d. into |
| 3. a. shopping | b. recyclable | c. plastic | d. paper |
| 4. a. abundant | b. unnecessary | c. unlimited | d. inconvenient |
| 5. a. instead | b. replace | c. despite | d. in place |
| 6. a. make | b. take | c. get | d. wash |
| 7. a. lots of | b. little | c. much | d. many |
| 8. a. waste-energy | b. save-energy | c. high-energy | d. low-energy |

X. Read the passage carefully, then do the tasks.

Self-driving cars have the potential to make travelling easier and safer than ever. Getting around an unfamiliar city could be as simple as opening an app and hailing an autonomous car. Technically speaking, self-driving cars are already on the road, thanks to a number of brands - but they're not legally allowed to fully drive themselves yet on public roads and may not be for a while yet.

There is a long list of companies working on self-driving vehicles, from traditional car manufacturers such as BMW, Audi, and Volkswagen, to tech companies such as Uber,

Tesla, and Google. The most notable company in this field is Tesla, which is constantly rolling out software and hardware updates for its cars to improve their autonomous capabilities little by little. Its Autopilot system can already drive a car better than a human, Tesla says, though right now you're only legally allowed to use it to help you stay in lanes on a motorway, change lanes when needed, and adjust the car's speed based on the traffic around it.

A. Match the synonyms.

- | | |
|---------------|----------------|
| 1. potential | a. driverless |
| 2. unfamiliar | b. launch |
| 3. autonomous | c. change |
| 4. notable | d. strange |
| 5. roll out | e. possibility |
| 6. adjust | f. famous |

B. Decide if the following statements are true (T) or false (F)

1. Self-driving cars make it easier for people to get around a strange city.
2. Self-driving cars can fully drive themselves on public roads right now.
3. Lots of companies are working towards developing self-driving vehicles.
4. Tesla constantly updates its car's software to improve self-driving capabilities.
5. Tesla says that its Autopilot system is better than a human driver.
6. Right now, Tesla Autopilot can only be used to change lanes on the highway.

XI. Write the second sentence so that it has the same meaning as the first one

1. Keep the environment clean or we will suffer from pollution.
If _____
2. I last visited my native village when I was ten.
I haven't _____
3. Humans don't drive as carefully as self-driving cars.
Self-driving cars _____
4. There aren't many people who still want to stay in the village.
There are only _____
5. The population of Los Angeles is over 3 million.
Los Angeles _____
6. People will use flying cars to travel across the globe some day.
Flying cars _____
7. Developing countries have more population problems than developed countries.
8. Developed countries _____
9. Veronica is one of my good friends.
Veronica is a _____

MÔN SINH

Câu 1: Trình bày đặc trưng của các lớp động vật (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú).

Câu 2: Trình bày sự tiến hóa của động vật về môi trường sống, sự vận động và di chuyển.

Câu 3: Trình bày hiểu biết của em về các hình thức sinh sản ở động vật. So sánh để thấy được sự tiến hóa về sinh sản ở động vật.

Câu 4: Trình bày khái niệm cây phát sinh giới động vật, khái niệm đa dạng sinh học? Đa dạng sinh học được thể hiện thông qua những yếu tố nào?

Câu 5: Nêu đặc điểm các loài động vật ở các điều kiện môi trường khác nhau (đới lạnh, đới nóng, nhiệt đới gió mùa).

Câu 6: Trình bày hiểu biết về các biện pháp đấu tranh sinh học và lấy các ví dụ minh họa.

** Lưu ý: Đề thi giữa kì II gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm – Thời gian làm bài: 45 phút*